Mẫu số: **03/PTHU-DK**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số*

*80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI QUYẾT TOÁN PHỤ THU [[1]](#footnote-1)**

**[01]** Dầu thô: [[2]](#footnote-2) □ **[02]** Condensate: □

**[03]** Kỳ tính thuế: Năm …

**[03a]** Lần đầu [[3]](#footnote-3)□ **[03b]** Bổ sung lần thứ: ...

**[04]** Tên người nộp thuế: [[4]](#footnote-4).............................................................................................

**[05]** Mã số thuế: [[5]](#footnote-5)

**[06]** Địa chỉ: ...................... **[07]** Quận/huyện: ............... **[08]** Tỉnh/Thành phố: .............

**[09]** Điện thoại: ................ **[10**] Fax: ............................ **[11]** E-mail: ...........................

**[12]** Hợp đồng dầu khí lô: ............................................................................................

**[13]** Tên đơn vị được uỷ quyền[[6]](#footnote-6) [ ] hoặc Đại lý thuế [[7]](#footnote-7)[ ]: ..........................................

**[14]** Mã số thuế:

**[15]** Địa chỉ: ...................... **[16]** Quận/huyện: ............... **[17]** Tỉnh/Thành phố: ............

**[18]** Điện thoại: ................ **[19]** Fax: ............................ **[20]** E-mail: ...........................

**[21]** Hợp đồng uỷ quyền hoặc Hợp đồng đại lý thuế, số: ............. **[22]** Ngày .............

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Mã chỉ tiêu** | **Đơn vị tính [[8]](#footnote-8)** | **Giá trị**  |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| 1 | Giá cơ sở của kỳ tính thuế [[9]](#footnote-9) | **[23]** | USD/thùng |   |
| 2 | Sản lượng dầu lãi được chia theo quý trong kỳ tính thuế |  |   |   |
|   | a) Quý I: | **[24]** | thùng |   |
|   | b) Quý II: | **[25]** | thùng |   |
|   | c) Quý III: | **[26]** | thùng |   |
|   | d) Quý IV: | **[27]** | thùng |   |
| 3 | Giá bán dầu thô trung bình quý trong kỳ tính thuế [[10]](#footnote-10) |  |   |   |
|   | a) Quý I: | **[28]** | USD/thùng |   |
|   | b) Quý II: | **[29]** | USD/thùng |   |
|   | c) Quý III: | **[30]** | USD/thùng |   |
|   | d) Quý IV: | **[31]** | USD/thùng |   |
| 4 | Số phụ thu phải nộp trong kỳ tính thuế: [32] = [33]+[38]+[43]+[48] | **[32]** | USD |   |
| 4.1 | Quý I: [33] = [34] hoặc [37]  | **[33]** | USD | [[11]](#footnote-11) |
|   | a) Trường hợp {1,2\*[23]} < [28] ≤ {1,5\*[23]}: | **[34]** | USD |   |
|   | [34] = 50%\*{[28]–1,2\*[23]}\*[24] |  |   |   |
|   | b) Trường hợp [28] > {1,5\*[23]}: |  |   |   |
|   | - Phụ thu theo mức 50% [35] = 50%\*{1,5\*[23]–1,2\*[23]}\*[24] | **[35]** | USD |   |
|   | - Phụ thu theo mức 60% [36] = 60%\*{[28]–1,5\*[23]}\*[24] | **[36]** | USD |   |
|   | - Cả quý: [37] = [35]+[36] | **[37]** | USD |   |
| 4.2 | Quý II: [38] = [39] hoặc [42] | **[38]** | USD |   |
|   | a) Trường hợp {1,2\*[23]} < [29] ≤ {1,5\*[23]}: | **[39]** | USD |   |
|   | [39] = 50%\*{[29]–1,2\*[23]}\*[25] |  |   |   |
|   | b) Trường hợp [29] > {1,5\*[23]}: |  |   |   |
|   | - Phụ thu theo mức 50% [40] = 50%\*{1,5\*[23]–1,2\*[23]}\*[25] | **[40]** | USD |   |
|   | - Phụ thu theo mức 60% [41] = 60%\*{[29]–1,5\*[23]}\*[25] | **[41]** | USD |   |
|   | - Cả quý: [42] = [40]+[41] | **[42]** | USD |   |
| 4.3 | Quý III: [43] = [44] hoặc [47] | **[43]** | USD |   |
|   | a) Trường hợp {1,2\*[23]} < [30] ≤ {1,5\*[23]}: | **[44]** | USD |   |
|   | [44] = 50%\*{[30]–1,2\*[23]}\*[26] |  |   |   |
|   | b) Trường hợp [30] > {1,5\*[23]}: |  |   |   |
|   | - Phụ thu theo mức 50% [45] = 50%\*{1,5\*[23]–1,2\*[23]}\*[26] | **[45]** | USD |   |
|   | - Phụ thu theo mức 60%[46] = 60%\*{[30]–1,5\*[23]}\*[26] | **[46]** | USD |   |
|   | - Cả quý: [47] = [45]+[46] | **[47]** | USD |   |
| 4.4 | Quý IV: [48] = [49] hoặc [52] | **[48]** | USD |   |
|   | a) Trường hợp {1,2\*[23]} < [31] ≤ {1,5\*[23]}: | **[49]** | USD |   |
|   | [49] = 50%\*{[31]–1,2\*[23]}\*[27] |  |   |   |
|   | b) Trường hợp [31] > {1,5\*[23]}: |  |   |   |
|   | - Phụ thu theo mức 50% [50] = 50%\*{1,5\*[23]–1,2\*[23]}\*[27] | **[50]** | USD |   |
|   | - Phụ thu theo mức 60%[51] = 60%\*{[31]–1,5\*[23]}\*[27] | **[51]** | USD |   |
|   | - Cả quý: [52] = [50]+[51] | **[52]** | USD |   |
| 5 | Số phụ thu tạm tính đã kê khai trong kỳ tính thuế:[53]=[54]+[55]+[56]+[57] | **[53]** | USD |   |
|   | a) Quý I | **[54]** | USD |   |
|   | b) Quý II | **[55]** | USD |   |
|   | c) Quý III | **[56]** | USD |   |
|   | d) Quý IV | **[57]** | USD |   |
| 6 | Số phụ thu nộp thừa của kỳ tính thuế trước (nếu có) | **[58]** | USD |   |
| 7 | Số phụ thu nộp thiếu (hoặc thừa) trong kỳ tính thuế: [59] = [32]-[53]-[58] | **[59]** | USD |   |
| 8 | Tỷ giá quy đổi [[12]](#footnote-12) | **[60]** | USD/VNĐ |   |

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

|  |  |
| --- | --- |
| **NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**Họ và tên:..............................Chứng chỉ hành nghề số:....... | *..., ngày....... tháng....... năm 2023***NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc** **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**(*Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử*) |

1. *Tờ khai quyết toán phụ thu khi giá dầu thô biến động tăng (trừ lô 09.1) không áp dụng đối với dự án dầu khí khuyến khích đầu tư.* [↑](#footnote-ref-1)
2. *Đối với mục* ***[01]*** *và mục* ***[02]:*** *Đánh dấu X vào một trong 2 mục, tương ứng với từng loại dầu khí cần khai quyết toán phụ thu.*

*Trường hợp một người nộp thuế khai thác đồng thời dầu thô, condensate thì kê khai thành từng tờ khai riêng biệt.* [↑](#footnote-ref-2)
3. *Đánh dấu X vào ô này nếu người nộp thuế thực hiện khai quyết toán phụ thu lần đầu trong kỳ tính thuế, trường hợp người nộp thuế có khai bổ sung thì điền số lần bổ sung tại mục* ***[3b]*** *(Lưu ý: chỉ điền một trong hai mục* ***[03a]*** *hoặc* ***[03b]****).* [↑](#footnote-ref-3)
4. *Căn cứ theo quy định tại Điều 2 Thông tư 22/2010/TT-BT, người nộp thuế (người nộp phụ thu) là các đối tượng sau đây:*

*- Người điều hành thay mặt các nhà thầu dầu khí tham gia hợp đồng dầu khí dưới hình thức hợp đồng chia sản phẩm.*

*- Công ty điều hành chung thay mặt các nhà thầu dầu khí tham gia hợp đồng dầu khí dưới hình thức hợp đồng điều hành chung.*

*- Doanh nghiệp liên doanh thay mặt các nhà thầu khí tham gia hợp đồng dầu khí dưới hình thức hợp đồng liên doanh.*

*- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hoặc các Tổng công ty, Công ty thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong trường hợp tự tiến hành hoạt động dầu khí.* [↑](#footnote-ref-4)
5. *Điền đầy đủ mã số thuế của người nộp thuế (người nộp phụ thu).* [↑](#footnote-ref-5)
6. *Điền đầy đủ thông tin của đơn vị được ủy quyền trong trường hợp người nộp thuế có văn bản ủy quyền cho đơn vị khác thực hiện khai quyết toán phụ thu thay cho mình tại các mục từ* ***[13]*** *đến* ***[22]****.* [↑](#footnote-ref-6)
7. *Điền đầy đủ thông tin của đại lý thuế trong trường hợp người nộp thuế có ký hợp đồng với đại lý thuế để thực hiện khai quyết toán phụ thu thay cho mình tại các mục từ* ***[13]*** *đến* ***[22]****.* [↑](#footnote-ref-7)
8. *USD: đô la Mỹ; VND: đồng Việt Nam.* [↑](#footnote-ref-8)
9. *Giá cơ sở của kỳ tính thuế (giá cơ sở của năm tương ứng) là mức giá dự tính trong kế hoạch phát triển mỏ đã được phê duyệt tương ứng với năm thực hiện (****Xem chi tiết*** *tại điểm b khoản 1 Điều 6 Thông tư 22/2010/TT-BTC).* [↑](#footnote-ref-9)
10. *Giá bán dầu thô trung bình của quý là giá do nhà thầu tự tính toán căn cứ vào số liệu thống kê giá bán thực tế hàng ngày của từng quý. Trong đó:*

*+ Quý I tính từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 3.*

*+ Quý II tính từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 30 tháng 6.*

*+ Quý III tính từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 9.*

*+ Quý IV tính từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 31 tháng 12.*

*(****Xem chi tiết*** *tại khoản 2 Điều 6 Thông tư 22/2010/TT-BTC).* [↑](#footnote-ref-10)
11. *Đối với các mục* ***[33], [38], [43], [47]****: Số phụ thu phải nộp theo quý theo mức thu phụ thu lũy tiến từng phần xác định như sau:*

*- Trường hợp giá bán dầu thô trung bình của quý thực tế biến động tăng cao hơn giá cơ sở của năm tương ứng trên 20% đến 50%, số phụ thu phải nộp theo quý xác định như sau:*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *Số phụ thu phải nộp theo quý* | *= 50% x* | *Giá bán dầu thô trung bình của quý* | *- 1,2 x* | *Giá cơ sở của năm tương ứng* | *x* | *Sản lượng dầu lãi được chia theo quý của nhà thầu* |

*- Trường hợp giá bán dầu thô trung bình của quý thực tế biến động tăng cao hơn giá cơ sở của năm tương ứng trên 50%, số phụ thu phải nộp theo quý được xác định như trường hợp trên và cộng thêm phần phụ thu được tính như sau:*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *Số phụ thu phải nộp tương ứng với phần giá bán dầu thô trung bình của quý cao hơn giá cơ sở trên 50%* | *= 60% x* | *Giá bán dầu thô trung bình của quý* | *- 1,5 x* | *Giá cơ sở của năm tương ứng* |  *x* | *Sản lượng dầu lãi được chia theo quý của nhà thầu* |

*(Căn cứ tại khoản 2 Điều 6 Thông tư 22/2010/TT-BTC).* [↑](#footnote-ref-11)
12. *Trường hợp dầu thô, condensate bán tại thị trường Việt Nam hoặc Chính phủ có quy định khác thì đồng tiền nộp thuế là đồng Việt Nam; tỷ giá quy đổi thực hiện theo quy định pháp luật về kế toán.* [↑](#footnote-ref-12)